

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM; TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT; TÀI NGUYÊN NƯỚC; ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /05/2026 của Chủ tịch UBND thành phố)

PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--|--|--|---|-------------|---|---|
| I | Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | | | | | | | |
| 1 | 2.002338 | Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch | 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ | - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường | Không | - Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; - Mục B.I Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thủ tục này có hiệu lực từ 01/7/2026) |
| 2 | 2.002339 | Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất | 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp | - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố. | Không | - Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số |

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---------|--|---------------------|--|---|-------------|---|--|
| | | khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch | nhận hồ sơ hợp lệ | tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường | | - Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; - Mục B.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. | 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thủ tục này có hiệu lực từ 01/7/2026) |

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|--|--|---|---|---|--|---|
| I | Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | | | | | | | |
| 1 | 1.007928 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón | - 20 ngày làm việc ¹ - 05 ngày làm việc ² | - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở | - 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. ³ | - Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018; - Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của |

¹ 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

² 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

³ Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|---------------------|---|---------------------------|--|---|------------------------------|
| | | | | - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn | Nông nghiệp và Môi trường | - 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần ⁴ | tháng 12 năm 2025 của Quốc hội; - Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ; - Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính; - Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Mục A.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

⁴ Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|----------|---|--|--|--|-------------|--|--|
| 2 | 1.012070 | Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc. | - 08 ngày làm việc ⁵ - 16 ngày làm việc ⁶ | - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường | Không | Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. - Điều 23 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Mục A.XII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQCP | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

⁵ 08 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

⁶ 16 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|----------|---|--|--|---|-------------|---|--|
| | | | | | | | ngày 29/4/2026 của Chính phủ. | |
| 3 | 1.012063 | Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 - Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội - Điều 31 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Mục A.XVI Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQCP ngày 29/4/2026 của Chính phủ | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 4 | 1.012064 | Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố - Cơ quan giải | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005;. - Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày |

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|----------|---|--|--|--|-------------|---|--|
| | | | | - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn | quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường | | - Điều 32 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Mục A.XV Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. | 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 5 | 1.012062 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra | - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm hành chính công thành phố - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường | Không | - Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội - Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ - Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|------------|--|--|---|--|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Mục A.XVII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQCP ngày 29/4/2026 của Chính phủ | |
| II | Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm | | | | | | | |
| 1 | 1.000.058 | Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng | - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Quỹ Nông nghiệp và Môi trường); - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố | Không thu phí | - Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ | Nội dung thực hiện theo Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| III | Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản | | | | | | | |
| 1 | 1.014787 | Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm | - 22 ngày làm việc ⁷ | Nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy | Không quy định | - Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số |

⁷ Trong đó: thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; thời hạn thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; thời hạn trả kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------------|---------------------|------------------------------------|---|-------------|--|---|
| | | công nghệ chế biến khoáng sản | | dịch vụ công trực tuyến (Một phần) | ban nhân dân thành phố - Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường | | <ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15) - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 1583/QĐ-BNNMT ngày 04/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính | Ghi chú |
|-----|---------|--|--|---------|
| I | | Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | | |

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính | Ghi chú |
|-----|----------|--|--|--|
| 1 | 1.012073 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC |
| 2 | 1.012001 | Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng | Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC |
| 3 | 1.012002 | Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng | Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC |
| 4 | 1.011999 | Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC |
| 5 | 1.012003 | Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng | Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC |
| 6 | 1.012004 | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng | Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC |

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------|---|--|--|
| 7 | 1.012000 | Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1674/QĐ- BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện TTHC |
| II | Lĩnh vực Tài nguyên nước | | | |
| 1 | 1.004253 | Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất | Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quyết định số 1693/QĐ-BNNMT ngày 11/05/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | |

PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

A. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cách thức thực hiện | Cơ quan giải quyết TTHC | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|--|---|---------------------|--|--|-------------|--|---|
| I | Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm | | | | | | | |
| 1 | 1.012531 | Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân | 13 ngày làm việc | Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia. | - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. | Không | - Điều 15 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ - Điều 43 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP) | Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

